

Số: /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Tỉnh
thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và
Nghị quyết Hội đồng nhân dân Tỉnh về phương hướng
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ngày 30 tháng 8 năm 2021 về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 19-CTr/TU của Tỉnh ủy ngày 27 tháng 9 năm 2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Nghị quyết số 372/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021 - 2025);

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện Chương trình hành động toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TTHĐND Tỉnh;
- UBMTTQVN Tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố
- Lãnh đạo VPUBND Tỉnh;
- CVNC/UBND Tỉnh;
- Lưu VT, THVX (Thư).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

Đồng Tháp, ngày tháng 10 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy và
Nghị quyết Hội đồng nhân dân Tỉnh về phương hướng
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chương trình hành động toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI và Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX về phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025), Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Chương trình hành động với những nội dung cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

Nhiệm kỳ 2016 - 2020 kế thừa những thành quả to lớn và kinh nghiệm quý báu của 30 năm đổi mới, đồng thời cũng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức ngoài dự báo (*dịch tả heo Châu Phi, dịch bệnh Covid-19*). Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ X và Nghị quyết HĐND Tỉnh, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động nhiệm kỳ 2016 - 2020 triển khai nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, trong đó xác định **04** nhiệm vụ trọng tâm với **23** chương trình, đề án, kế hoạch trọng tâm. Ủy ban nhân dân Tỉnh đã chủ động, linh hoạt và phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách, có các giải pháp đột phá, thúc đẩy những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế phát triển, tạo động lực hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và đạt mức tăng trưởng ổn định trong 05 năm (2016 - 2020). Kết quả thực hiện giai đoạn 2016 - 2020, có **14/17** chỉ tiêu đạt và vượt so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tập trung phát triển kinh tế, thu hút các nguồn lực đầu tư, thực hiện có hiệu quả các chương trình tái cơ cấu kinh tế, phát triển thành phố Cao Lãnh, Sa Đéc tạo động lực phát triển chung toàn Tỉnh

Tình hình kinh tế có bước phát triển khá toàn diện, quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng, ước năm 2020 đạt gần **87.530** tỷ đồng, tăng **1,53** lần so với năm 2015, xếp vào hàng khá của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tốc

độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 05 năm (2016 - 2020) đạt **5,48%/năm** (theo giá so sánh năm 2010); GRDP bình quân đầu người đạt **54** triệu đồng (tương đương 2.292 USD)⁽¹⁾. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực 2 và khu vực 3. Xã hội tiếp tục được duy trì ổn định, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao, nhiều mô hình sản xuất mới được hình thành, thay đổi cơ bản về phát triển kinh tế nông nghiệp, từng bước nâng cao thu nhập của người dân. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt **47** triệu đồng (*trong đó, khu vực thành thị là 51 triệu đồng, khu vực nông thôn là 45,6 triệu đồng*), hình ảnh địa phương được cải thiện đáng kể. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát năm 2020, nên việc thực hiện các mục tiêu năm cuối giai đoạn bị ảnh hưởng, đạt thấp so với kế hoạch, nhất là lĩnh vực kinh tế.

Các công cụ hoạch định và quản lý đối với phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực được hoàn thiện⁽²⁾. Mô hình tăng trưởng kinh tế từng bước đổi mới theo chiều sâu, chú trọng yếu tố chất lượng và nâng cao giá trị theo chuỗi ngành hàng. Thực hiện các giải pháp tổng thể tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững đạt được nhiều kết quả nổi bật. Khu vực nông thôn từng bước đổi mới toàn diện, thu nhập của người dân được nâng lên đáng kể. Nhận thức của nông dân, doanh nghiệp và các ngành, địa phương đối với kinh tế nông nghiệp và kinh tế thị trường có nhiều chuyển biến tích cực. Tăng trưởng bình quân khu vực nông - lâm - thủy sản ước đạt **3,51%/năm**; có **84%** số xã đạt chuẩn nông thôn mới, vượt mục tiêu **50%** đã đề ra. Công nghiệp tiếp tục phát triển khá, tạo thêm nhiều động lực tăng trưởng kinh tế, công nghiệp chế biến đóng vai trò then chốt trong gắn kết và gia tăng giá trị chuỗi ngành hàng⁽³⁾. Lĩnh vực chế biến thủy sản và chế biến thức ăn chăn nuôi tăng trưởng tốt, đứng đầu khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành công nghiệp đạt **7,53%/năm**.

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ có bước phát triển khá tốt, hệ thống thương mại phát triển đa dạng, văn minh, hiện đại; hình thành các điểm trung bày và kinh doanh đặc sản Đồng Tháp tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Phú Quốc. Tốc độ tăng trưởng khu vực thương mại - dịch vụ bình quân **6,16%/năm**. Xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh trong giai đoạn 2016 - 2028, đạt mốc trên **01** tỷ USD vào năm 2018, đến năm 2020 đạt **1,14** tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu chính gồm: gạo chế biến, thủy sản chế biến, may mặc... Ngành

⁽¹⁾ Cập nhật theo số liệu công bố chính thức của Tổng cục Thống kê về tốc độ tăng trưởng GRDP (giá so sánh năm 2010). Theo đó, Năm 2016: 5,59%; Năm 2017: 6,04%; Năm 2018: 7,01%; Năm 2019: 6,3%; Năm 2020: 2,5%.

⁽²⁾ Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp; rà soát và điều chỉnh: Quy hoạch nông nghiệp, nông thôn Tỉnh, Quy hoạch phát triển ngành Thương mại, Quy hoạch phát triển ngành Công nghiệp, Quy hoạch phát triển điện lực Tỉnh, Quy hoạch thủy lợi Tỉnh; Quy hoạch phát triển vận tải Tỉnh.

⁽³⁾ Quyết định số 1168/QĐ-UBND.HC ngày 18/10/2016 về việc Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

du lịch được chú trọng, gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương⁽⁴⁾. Hình ảnh du lịch “*Thuần khiết như hồ sen*” được định hình rõ nét với loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp gắn với các ngành nghề đặc trưng của từng địa phương: Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu du lịch Gáo Giồng, Khu di tích Xẻo Quýt, Làng hoa kiểng Sa Đéc, tham quan vườn cây ăn trái...

Các cơ chế, chính sách được vận dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Cộng đồng doanh nghiệp, người dân đánh giá cao và ủng hộ các chủ trương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phương châm “*đồng hành doanh nghiệp*” được cụ thể bằng hành động thiết thực và xuyên suốt. Điều hành kinh tế đạt hiệu quả, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện qua từng năm từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) liên tục đạt thứ hạng cao trong giai đoạn 2016 - 2020, nối dài thành tích 13 năm liên tục nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Song song đó, Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) được cải thiện rõ nét, năm 2020 đều xếp trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Công tác xúc tiến đầu tư ngày càng được nâng cao, đạt hiệu quả nhất định, giai đoạn 2016 - 2020, thu hút được **194** dự án đăng ký đầu tư, tổng vốn đăng ký đầu tư là **19.670** tỷ đồng⁽⁵⁾.

Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đã đạt được một số kết quả quan trọng, tinh thần “*tự thân lập nghiệp*” lan tỏa trong cộng đồng⁽⁶⁾, là một điểm sáng trong giai đoạn qua, thể hiện ý chí vươn lên, tự làm chủ của người dân Đất Sen Hồng. Có hơn **150** sản phẩm khởi nghiệp được thị trường chấp nhận, góp phần đa dạng sản phẩm hàng hóa, thúc đẩy thương mại và tiêu dùng. Phát triển doanh nghiệp được quan tâm thực hiện với **2.684** doanh nghiệp thành lập mới, tăng **26%** so với giai đoạn trước, vốn đăng ký bình quân mỗi doanh nghiệp đạt **6,7** tỷ đồng. Tổng số doanh nghiệp thực tế hoạt động tăng thêm khoảng **1.500** doanh nghiệp, đến cuối năm 2020, có khoảng **4.244** doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, vượt **244** doanh nghiệp so với mục tiêu.

Giai đoạn 2016 - 2020, huy động nguồn lực xã hội gắn với tái cơ cấu đầu tư công được tập trung thực hiện, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh được cải thiện đáng kể. Hệ thống đô thị được quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phát huy vai trò của các trung tâm đô thị lớn (thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc,

⁽⁴⁾ Xây dựng và triển khai Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 03/11/2016 thực hiện Kết luận số 24-KL/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển du lịch tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020; trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết số 80/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về Đề án tạo dựng hình ảnh tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2017 - 2020, Nghị quyết số 210/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

⁽⁵⁾ Bao gồm: 24 dự án trong Khu công nghiệp; 10 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 2.805 tỷ đồng.

⁽⁶⁾ Có 18 nhãn hiệu nông sản đặc thù được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xác lập bảo hộ sở hữu trí tuệ; trên 150 sản phẩm khởi nghiệp được thị trường chấp nhận.

thành phố Hồng Ngự)⁽⁷⁾, trong đó, thành phố Hồng Ngự có sự phát triển bứt phát, hoàn thành mục tiêu phát triển đô thị và nông thôn mới. Các chương trình trọng điểm về hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch và an sinh xã hội được quan tâm đầu tư thực hiện, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển toàn diện. Kết quả huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt **83.516** tỷ đồng, chiếm **22,3%** GRDP (*trong đó, vốn đầu tư công khoảng 20.215 tỷ đồng, chiếm 24,2%*); Trung ương và Tỉnh đã triển khai, đưa vào sử dụng nhiều công trình giao thông trọng điểm⁽⁸⁾; tỷ lệ đô thị hóa ước đạt **38%**⁽⁹⁾.

2. Phát triển văn hóa, xã hội, hình thành môi trường văn hóa lành mạnh; phát triển con người Đồng Tháp toàn diện; đổi mới phương thức giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo cơ hội việc làm, góp phần giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống của Nhân dân

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ tiếp tục phát triển và có nhiều tiến bộ. Sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo tiếp tục được triển khai với lộ trình, bước đi phù hợp⁽¹⁰⁾. Đào tạo cho lao động được chú trọng, nhất là lao động khu vực nông thôn, tạo bước tiến mạnh mẽ trong chuyển dịch lao động theo hướng phi nông nghiệp. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt **70%**, trong đó đào tạo nghề đạt **50%**.

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam và Nghị quyết về chính sách xã hội đạt nhiều hiệu quả⁽¹¹⁾. Bố trí thêm ngân sách và huy động thêm nguồn lực cho các lĩnh vực xã hội; thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; bảo đảm an sinh xã hội nhất là điểm sáng trong hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19. Hằng năm giải quyết việc làm cho hơn **36.000** lao động, đưa **7.894** lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng luôn dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện chính sách pháp luật về bình đẳng giới, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Thực hiện

⁽⁷⁾ Theo Nghị quyết số 01-NQ/TU, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 20/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

⁽⁸⁾ Tuyến Quốc lộ 30, 54, 80, N2, N2B, cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống và hệ thống giao thông kết nối 02 cầu, các tuyến đường Tỉnh trọng yếu, kết nối với khu vực Đồng Tháp Mười, phía Nam sông Tiền và các tuyến giao thông phục vụ phát triển nông nghiệp, du lịch.

⁽⁹⁾ Đến nay, có **02** đô thị loại II (*thành phố Sa Đéc, thành phố Cao Lãnh*) và **01** đô thị loại III (*thành phố Hồng Ngự*), **03** đô thị loại IV, **11** đô thị loại V.

⁽¹⁰⁾ Cuối năm 2020, có 46,6% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia (năm 2015: 17,03%); 42,4% trường tiểu học đạt chuẩn (năm 2015: 26,0%); 60,1% trường trung học cơ sở đạt chuẩn (năm 2015: 30,3%); 79,1% trường trung học phổ thông đạt chuẩn (năm 2015: 50,5%).

⁽¹¹⁾ Ban hành Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 16/9/2015 thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về “Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

đồng bộ các chính sách, nâng cao đời sống và giảm nghèo nhanh hơn cho dân cư khu vực biên giới; quan tâm phòng, chống tệ nạn xã hội; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều toàn tỉnh từ **9,98%** năm 2015 xuống còn dưới **1,86%** năm 2020, vượt mục tiêu kế hoạch đề ra⁽¹²⁾.

Các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển; nhiều dự án công nghệ cao đã được triển khai thực hiện thành công trên một số lĩnh vực, nhất là trong y tế, giáo dục, thương mại điện tử, công nghệ thông tin, chuyển đổi số... Tập trung nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; y tế ngoài công lập⁽¹³⁾, y học cổ truyền, công nghiệp dược có bước phát triển mạnh. Đến cuối năm 2020, có **90%** dân số tham gia bảo hiểm y tế; có **9** bác sĩ và **28** giường bệnh trên một vạn dân. Chất lượng dân số được cải thiện và duy trì ở giai đoạn cơ cấu dân số Vàng, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng **0,71%**; công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em được quan tâm, duy trì tỷ suất tử vong ở mức thấp, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng được kéo giảm, **95%** trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng vắc xin (cơ bản) đầy đủ.

Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa trong hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Chú trọng xây dựng con người Đồng Tháp phát triển toàn diện; gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và môi trường văn hóa lành mạnh; khắc phục các biểu hiện suy thoái về đạo đức. Bảo tồn và phát huy các di sản, giá trị văn hóa địa phương, phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật, khuyến khích tự do sáng tạo; gắn kết hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị; chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế, quảng bá văn hóa địa phương. Bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo và phát huy vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo trong xã hội, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chú trọng quản lý về thông tin, báo chí; duy trì tổ chức họp mặt các cơ quan Báo chí định kỳ (mỗi năm 02 lần); phát huy vai trò của hệ thống cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh trong việc truyền tải chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu thông tin và phản ánh ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân, nhất là trong công tác tuyên truyền, vận động người dân cùng chung tay phòng, chống dịch Covid-19.

3. Công tác cải cách hành chính

Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã chỉ đạo kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (*giảm 37 đầu mối cấp phòng và tương đương trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và 30 phòng trực thuộc chi cục và tương đương*);

⁽¹²⁾ Hỗ trợ sửa chữa, xây mới hơn 5.200 căn nhà cho hộ nghèo, xây dựng 2.050 căn nhà tình nghĩa, huy động Quỹ đền ơn đáp nghĩa 45 tỷ đồng, có khoảng 60.000 đối tượng bảo trợ xã hội được trợ cấp tại cộng đồng, có trên 11.000 người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp thường xuyên.

⁽¹³⁾ Bệnh viện Quốc tế Thái Hòa, Bệnh viện Tâm Trí (thành phố Cao Lãnh); Bệnh viện Mắt Quang Đức, Bệnh viện Phương Châu (thành phố Sa Đéc), Bệnh viện Quốc tế Thái Hoà - Hồng Ngự (thị xã Hồng Ngự).

nhiều đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn (*giảm 120 đơn vị, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra - chỉ tiêu 90 đơn vị*) nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; thực hiện rà soát, sắp xếp, sáp nhập **136** tổ chức phối hợp liên ngành còn **53** tổ chức (*giảm 83 tổ chức, tương đương tỷ lệ giảm 61,03%*).

Chú trọng công tác đào tạo và nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm túc chủ trương của Trung ương về tinh giảm biên chế. Giai đoạn 2016 - 2020, đã tinh giảm **266** biên chế công chức hành chính (*giảm đạt tỷ lệ 10,17% so với số biên chế được giao năm 2015*) và **3.180** biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập (*giảm đạt tỷ lệ 10,00% so với số biên chế được giao năm 2015*)⁽¹⁴⁾.

Nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, nhất là tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, đạo đức công vụ. Đã ban hành và triển khai Quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND Tỉnh, lãnh đạo UBND Tỉnh giao thông qua phần mềm giao nhiệm vụ; phát động nhiều phong trào thi đua yêu; thực hiện chặt chẽ và kịp thời công tác khen thưởng nhằm khuyến khích, động viên tinh thần những cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong thực thi công vụ.

Tập trung cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Trong 05 năm qua, đã thực hiện đơn giản hóa **576** thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, đồng thời, đã rà soát và kiến nghị Trung ương xem xét đơn giản hóa **1.084** thủ tục hành chính. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành⁽¹⁵⁾.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, có kế hoạch thực hiện cụ thể hàng năm, gắn kết chặt chẽ với nội dung “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, cùng với sự tham gia giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đã nâng cao nhận thức và nêu cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, đưa công tác này đi vào chiều sâu.

Quan tâm, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, chăm lo cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Tỉnh và người đứng đầu các địa phương đã đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tăng cường đối thoại,

⁽¹⁴⁾ Giai đoạn 2015 - 2021, chỉ tiêu Trung ương giao giảm tối thiểu 10% biên chế được giao so với năm 2015.

⁽¹⁵⁾ Triển khai vận hành phần mềm quản lý Văn phòng điện tử (iDesk); đã tích hợp, cung cấp 42% dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công trong năm 2020...

giải quyết từ cơ sở, tập trung vào các vụ việc phức tạp, đông người, tồn đọng, kéo dài, không để tạo thành “điểm nóng” về an ninh trật tự⁽¹⁶⁾.

5. Công tác đối ngoại; bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội

Chỉ đạo triển khai hiệu quả hoạt động đối ngoại trên các lĩnh vực và Chiến lược tổng thể Hội nhập quốc tế tỉnh Đồng Tháp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, góp phần quan trọng tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, quảng bá hình ảnh địa phương với đối tác quốc tế; đưa các mối quan hệ hợp tác chiến lược đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả. Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã tiếp đón và làm việc với **133** đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư tại tỉnh .

Thực hiện tốt công tác đối ngoại trên các lĩnh vực với chính quyền và lực lượng vũ trang tỉnh Prây-veng, Pô-sát, Ban-tây Miên-chây (*Vương quốc Campuchia*), tỉnh Salavan (*Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*); hoàn thành việc bổ sung cấp Cửa khẩu Quốc tế Dinh Bà (Đồng Tháp) - Bon-tia Chắc-crây (Prây Veng) vào Nghị định thư về việc sửa đổi Nghị định thư thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải đường bộ ký tại Phnôm-Pênh.

UBND Tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/04/2018 về Chiến lược quốc phòng Việt Nam; Kết luận số 31-KL/TW, ngày 16/04/2018 về Chiến lược quân sự Việt Nam. Phát huy vai trò lãnh đạo của chính quyền các cấp, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện đạt yêu cầu nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, khu vực trọng yếu. Các lực lượng, các cấp, các ngành phối hợp nắm chắc tình hình, kịp thời ngăn chặn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

- Năng lực dự báo còn hạn chế nên việc xây dựng mục tiêu, một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chưa sát với tình hình thực tế; một số cơ chế, chính sách còn thiếu tầm nhìn dài hạn, tính khả thi chưa cao và hiệu quả chính sách trong một số trường hợp chưa kịp thời. Sự phối hợp chính sách và chỉ đạo điều hành trong thực hiện tăng trưởng kinh tế chưa thật sự đồng bộ, có mặt hiệu quả chưa cao.

- Chưa có cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động, sử dụng hiệu quả cao nhất các nguồn nhân lực và tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi cho phát triển sản

⁽¹⁶⁾ Trong giai đoạn 2016 - 2020, các cơ quan đã tiếp 40.347 lượt công dân; tiếp nhận 11.281 đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết 2.866 vụ, việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, đạt 90%.

xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, thu hút đầu tư tư nhân. Tăng trưởng kinh tế còn chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh kinh tế còn thấp, cải thiện còn chậm so với yêu cầu. Năm 2018 tăng trưởng cao nhất (7,01%) kể từ năm 2011 nhưng bình quân cả nhiệm kỳ vẫn chưa đạt kế hoạch (5,48%/ KH 10%); GRDP bình quân đầu người, huy động vốn đầu tư phát triển cũng chưa đạt.

- Việc thực hiện các đột phá chiến lược theo chỉ đạo của Trung ương về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng nhiều mặt còn hạn chế.

- Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm và chưa đồng bộ. Tái cơ cấu đầu tư công; cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; tái cơ cấu ngành công nghiệp, dịch vụ có một số phương diện, thời điểm còn hạn chế. Công tác xây dựng và quản lý thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả chưa cao.

- Chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học - công nghệ trên địa bàn tỉnh chưa thật sự hấp dẫn nên chưa thu hút được nhà đầu tư có tiềm lực trong lĩnh vực này. Một số chủ trương, chính sách về phát triển khoa học và công nghệ triển khai vào thực tế còn chậm như: Phát triển công nghệ cao, phát triển doanh nghiệp khoa học - công nghệ....

- Việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp công tác với một số cơ quan từng lúc chưa được thường xuyên, việc phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh và giải quyết kiến nghị có lúc còn chưa kịp thời.

2. Nguyên nhân

- Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn chưa toàn diện, đầy đủ và còn khác nhau nên việc xây dựng chính sách nhiều mặt còn lúng túng, thiếu nhất quán, chưa thật sự phù hợp, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Công tác tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, còn nhiều hạn chế, nhất là trong việc tổ chức thực thi pháp luật, cơ chế chính sách, sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành Tỉnh và địa phương và công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện.

- Phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành kinh tế - xã hội có mặt hiệu lực, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Tổ chức bộ máy và phẩm chất, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức một số mặt còn hạn chế, nhất là năng lực tổng hợp, hoạch định, thực thi thể chế pháp luật, cơ chế chính sách...

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Phải quán triệt, thể chế hóa kịp thời, phù hợp chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; sáng tạo trong tư duy phát triển, lấy lợi ích của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất.

2. Phải bám sát chức năng, nhiệm vụ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò tập thể UBND Tỉnh, đề cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND Tỉnh và các thành viên UBND Tỉnh. Đặc biệt, chú trọng đánh giá tình hình, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, gắn trước mắt với cơ bản lâu dài và ứng phó kịp thời với diễn biến mới của tình hình. Bám sát thực tiễn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Đề cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu. Lấy kết quả thực hiện để đánh giá tính đúng đắn của chính sách và năng lực quản lý điều hành.

3. Trong điều kiện khó khăn càng phải tăng cường bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của người dân. Chú trọng phát triển khu vực nông nghiệp nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện nhất quán, thiết thực phát triển văn hóa và tiến bộ, công bằng xã hội, xây dựng văn hóa và con người Đồng Tháp trong từng bước phát triển. Tăng cường quyền làm chủ của người dân, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

4. Cùng với phát triển kinh tế phải tăng cường quốc phòng an ninh, giữ vững chặt chẽ tuyến biên giới. Phát huy cao nhất nguồn lực nội tỉnh, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, thu hút mạnh và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ bên ngoài. Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển.

5. Phải thường xuyên tăng cường khối đại đoàn kết và phát huy sức mạnh tổng hợp của người dân trên địa bàn tỉnh; tập trung làm tốt công tác vận động quần chúng, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và phối hợp chặt chẽ các tổ chức trong hệ thống chính trị để triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

B. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM (2021 - 2025)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động nhằm quán triệt và chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XI; Nghị quyết của HĐND Tỉnh về

phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021 - 2025), góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng¹⁷.

2. Các ngành, địa phương xác định rõ nhiệm vụ của đơn vị, có sự liên kết, phối hợp đồng bộ, lồng ghép thực hiện hiệu quả. Đảm bảo người đứng đầu đơn vị luôn nắm chắc nhiệm vụ, linh hoạt, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Từng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm nghiên cứu sâu những nội dung cơ bản của các Nghị quyết, liên hệ thực tiễn, vận dụng sáng tạo và hiệu quả vào điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tập trung thực hiện hiệu quả “*mục tiêu kép*” vừa phòng, chống đại dịch Covid-19, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng thích ứng an toàn với dịch.

2. Sớm hoàn thành việc xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tập trung phát triển nông nghiệp là nền tảng, công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ là động lực tăng trưởng; chú trọng liên kết, phát triển hài hòa giữ các địa phương trong phát triển đô thị; đào tạo nghề, hỗ trợ, tạo điều kiện chuyển đổi nghề, khuyến khích đi lao động có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối. Giữ vững cân đối thu, chi ngân sách hàng năm. Phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng hợp tác, liên kết, thị trường, sản xuất an toàn, tăng tỷ lệ sản phẩm bảo quản, chế biến sau thu hoạch; giữ vững các ngành công nghiệp có lợi thế và tập trung phát triển mạnh ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

4. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của Tỉnh; chú trọng phát huy tiềm năng thương mại biên giới.

5. Giữ vững quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên.

6. Thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi số trên 03 lĩnh vực: Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng chính quyền các cấp của dân, do dân và vì dân. Tăng cường công khai, minh bạch, chất lượng, hiệu

¹⁷. Mục tiêu 5 năm 2021 - 2025 của:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%...

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 7,5%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 3.434 USD; tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 79%...

quả, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động Nhà nước và của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Triển khai hiệu quả chủ trương, chính sách của Trung ương; đổi mới cơ chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2017 của UBND Tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá X thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW Hội nghị Trung ương 5 khoá XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy định, thủ tục về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường, đầu tư, xây dựng, thương mại, quản lý thị trường... theo thẩm quyền phân cấp, kịp thời kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung các Thông tư, Nghị định, Luật còn vướng mắc, chồng chéo. Tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngân sách nhà nước và tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách. Triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý, khai thác và bồi dưỡng nguồn thu; quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả về chi ngân sách trong phạm vi dự toán được giao.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp nhằm bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hoá thiết yếu, ổn định giá cả thị trường trên địa bàn.

2. Khai thác tiềm năng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực đầu tư, khắc phục điểm nghẽn về hạ tầng giao thông

a) Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng toàn diện và bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp tổng thể tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn 2021 - 2025, gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động. Vận dụng đầy đủ và có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, tạo lập vùng sản xuất nông sản tập trung gắn với truy xuất nguồn gốc, phát triển nông nghiệp thông minh. Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực: *lúa, cá tra, hoa kiểng, xoài và một số ngành hàng có tiềm năng khác*⁽¹⁸⁾ theo chuỗi giá trị ngành hàng, phát huy thế mạnh nuôi trồng thủy sản. Phát triển kinh tế vườn, chăn nuôi an toàn sinh học. Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch Tái đàn và Tái cơ cấu chăn nuôi heo sau dịch bệnh tả heo Châu Phi.

Củng cố hợp tác xã theo hướng nâng cao chất lượng hoạt động, chú trọng

⁽¹⁸⁾ Nhãn, quýt Hồng, chăn nuôi heo, bò, gia cầm, cá đồng...

việc liên kết với doanh nghiệp trong sản xuất, tiêu thụ và áp dụng khoa học kỹ thuật với quy mô lớn, trong đó chú trọng phát triển một số mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mẫu. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, nâng cao tính chuyên nghiệp của nông dân trong sản xuất; phát triển và nâng cao chất lượng hội quán, làm tiền đề cho phát triển mới hợp tác xã. Thực hiện có hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) để tạo động lực phát triển kinh tế hộ, làng nghề, chủ thể sản xuất nhỏ phát triển. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thí điểm xây dựng mô hình “*Làng thông minh*”; duy trì, nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo tiêu chí nâng cao, kiểu mẫu.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, nông nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng phát triển dịch vụ nông nghiệp. Ưu tiên triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và các lĩnh vực trọng tâm, tiến tới xây dựng hoàn chỉnh dữ liệu về kinh tế - xã hội chung.

b) Tập trung thực hiện các giải pháp tổng thể tái cơ cấu ngành công nghiệp theo chuỗi giá trị ngành hàng, nâng dần tỷ lệ tinh chế, phát triển sản phẩm mới. Vận dụng đầy đủ và hiệu quả các chính sách khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất, đào tạo nguồn nhân lực. Tạo điều kiện phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn. Đẩy nhanh tiến độ thành lập và đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu để có quỹ đất sạch thu hút đầu tư⁽¹⁹⁾. Kêu gọi đầu tư đa dạng hóa các ngành, lĩnh vực, nhất là công nghiệp cơ khí tự động hóa trong nông nghiệp và lĩnh vực máy chế biến nông sản, thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ cho các ngành cơ khí chế tạo. Khuyến khích phát triển năng lực tái tạo.

c) Rà soát, đề xuất chính sách về khuyến khích xã hội hóa, thu hút đầu tư trong và ngoài nước về xây dựng và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại, nhất là các loại hình: Trung tâm thương mại, siêu thị tổng hợp, chợ sỉ có khả năng phát luồng. Chú trọng phát triển thị trường trong nước, hỗ trợ hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa, hình thành các sàn giao dịch và các chuỗi cung ứng quy mô lớn. Tạo điều kiện phát triển nhanh thương mại điện tử kết hợp với loại hình phân phối hiện hữu tạo thành phương thức phân phối đa kênh. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác và hội nhập quốc tế nhất là các cơ hội do các FTA mang lại. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng thương mại khu vực biên giới, thúc đẩy phát triển thương mại biên giới. Phát triển đồng bộ các ngành dịch vụ, phục vụ cho

⁽¹⁹⁾. KCN Tân Kiều (Tháp Mười), KCN Sông Hậu 2 (Lai Vung), KCN Trần Quốc Toản mở rộng (TP Cao Lãnh), KCN Ba Sao (huyện Cao Lãnh); CCN Tân Lập (Châu Thành), CCN Trường Xuân (Tháp Mười), CCN Mỹ Hiệp 2 (huyện Cao Lãnh), CCN Tân Thạnh (Thanh Bình), CCN An Hòa (TX Hồng Ngự), Cụm tiểu thủ công nghiệp kết hợp khu khởi nghiệp TPCL.

sản xuất: logistics, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học - công nghệ, tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...

Tiếp tục thực hiện giải pháp tạo dựng hình ảnh địa phương gắn với phát triển du lịch trên cơ sở phát huy giá trị văn hóa, truyền thống và tài nguyên thiên nhiên để tạo nét đặc trưng riêng; **tập trung phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn**; khai thác Làng Văn hóa Du lịch Sa Đéc⁽²⁰⁾; đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số trong ngành du lịch.

d) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) nằm trong nhóm tốt nhất cả nước. Tập trung phát triển doanh nghiệp và đẩy mạnh phong trào khởi nghiệp theo hướng nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả, đóng vai trò là động lực phát triển kinh tế, gắn kết nguồn lực và tham gia chuỗi các ngành hàng của Tỉnh.

Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại đầu tư công gắn với phân công, phân cấp và ủy quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, triển khai quy hoạch, các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm, nhất là giao thông; tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường.

đ) Hoàn thành và triển khai Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường liên kết vùng và phát huy vai trò dẫn dắt của các đô thị lớn, tiếp tục thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 01-NQ/TU, Nghị quyết số 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa X về phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồng Ngự đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030... Thúc đẩy thực hiện các chương trình, nội dung liên kết với các tỉnh: Long An, Tiền Giang theo Đề án Liên kết phát triển bền vững tiểu vùng Đồng Tháp Mười đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Vận dụng tốt các cơ chế, chính sách liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long.

e) Đẩy nhanh phát triển hạ tầng giao thông, tạo nền tảng kết nối và phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, du lịch gắn kết hài hòa với phát triển đô thị; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư mở rộng các tuyến quốc lộ, các đường cao tốc qua địa bàn Tỉnh, tạo thành bước đột phá trong giai đoạn. Mở rộng, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện và hệ thống giao thông nông thôn hiện có và đầu tư xây dựng các tuyến đường mới phục vụ cho phát triển công nghiệp, nông nghiệp, du lịch.

⁽²⁰⁾ Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, Vườn quốc gia Tràm Chim, Khu di tích Mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, Gò Tháp, Xẻo Quýt, khu du lịch sinh thái tại cồn Đông Giang (thành phố Sa Đéc)...

2. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ

a) Triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Có cơ chế phù hợp trong thu hút, trọng dụng và bồi dưỡng nhân tài, xây dựng đội ngũ tri thức trong thời kỳ mới. Xây dựng, phát triển cơ sở hệ thống dữ liệu về thị trường cung - cầu lao động và các cơ sở đào tạo, xây dựng cơ chế đào tạo nghề theo yêu cầu, tiêu chí của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu thị trường lao động nước ngoài.

b) Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo. Rà soát, quy hoạch, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng cho học sinh, sinh viên; bảo đảm an toàn trường học; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo. Chú trọng thực hiện và tạo đột phá trong giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục trong Tỉnh, nhất là chất lượng giảng dạy tại Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Y tế. Liên kết với các trường đại học trong và ngoài nước để đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

c) Triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp nhất là hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, người lao động đi thực tập và thực tập nâng cao tay nghề; người tham gia Chương trình học và thực hành tại doanh nghiệp ở nước ngoài do Ủy ban nhân dân Tỉnh ký kết giai đoạn 2021 - 2025. Đổi mới phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, đào tạo cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tăng cường các hoạt động đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật và các nhóm yếu thế khác trong xã hội; xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình khởi sự, khởi nghiệp, xúc tiến việc làm cho học sinh, sinh viên.

d) Thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về đẩy nhanh chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số giai đoạn 2021 - 2025, nâng cao mức đóng góp của khoa học và công nghệ vào tăng trưởng kinh tế của Tỉnh thông qua nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, phục vụ các chương trình, đề án trọng tâm của Tỉnh trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và phát triển du lịch, nông thôn mới; phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ;

phát huy sáng kiến, lao động sáng tạo. Tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa các tổ chức, đơn vị nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước, góp phần đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong sản xuất.

3. Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế

a) Tiếp tục thực hiện tốt Kết luận số 76-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị Trung ương 9 (khoá XI). Ưu tiên nguồn lực cho **bảo quản, tu bổ**, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa. Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, thực hiện tốt nếp sống văn minh trong lễ hội, phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân.

b) Nâng cao chất lượng phong trào *“Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”*; đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện thể dục, thể thao ở cơ sở; đổi mới nội dung, phương pháp tổ chức các hoạt động thể dục thể thao quần chúng. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo tài năng thể thao, nâng cao trình độ, thành tích của thể thao thành tích cao.

c) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về công tác dân số và Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Tập trung theo dõi, quản lý sức khỏe người dân, tăng cường khám, chữa bệnh từ xa, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới. Nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng. Bảo đảm an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng tiêm chủng, khám, chữa bệnh, đổi mới đào tạo nhân lực y tế, thúc đẩy chuyển đổi số lĩnh vực y tế, tăng mức hài lòng của người dân. Kết hợp chặt chẽ y học cổ truyền với y học hiện đại. Tiếp tục thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế gắn với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và bà mẹ, trẻ em.

d) Triển khai thực hiện Kết luận số 92-KL/TW ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện và bền vững. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm. Tiếp tục mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới; bảo đảm an toàn lao động.

đ) Nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả, phát huy sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Tăng cường vận động, khơi dậy ý chí vươn lên chủ

động thoát nghèo. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giảm nghèo theo hướng bền vững, tăng khả năng tiếp cận của đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của người nghèo.

e) Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, công khai, minh bạch chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi trả chính sách người có công thông qua tổ chức dịch vụ bưu chính công ích. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe đối với người có công với cách mạng. Đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa, “*Uống nước nhớ nguồn*”, huy động nguồn lực trong xã hội cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống của người có công với cách mạng, nhất là hỗ trợ về nhà ở. Thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Phát triển mô hình chăm sóc người có hoàn cảnh đặc biệt tại cộng đồng. Thực hiện tốt quyền trẻ em, bảo vệ trẻ em, phòng ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em. Triển khai thực hiện Luật Thanh niên năm 2020. Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Đa dạng hóa truyền thông nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; phòng, chống bạo lực gia đình. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, nhất là ở cấp cơ sở; bảo đảm an ninh trong tôn giáo; tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo tham gia vận động thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh, phát triển kinh tế, xã hội.

g) Tiếp tục xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe, đăng kiểm phương tiện; tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh vận tải, kiểm soát tải trọng phương tiện. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát động và thực hiện phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tệ nạn xã hội.

4. Chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo đảm việc lồng ghép các nội dung phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh vào chương trình, dự án, kế hoạch hàng năm và giai đoạn. Tập trung xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai, về tài nguyên nước. Triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Kiểm soát chặt chẽ môi trường các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Thúc đẩy, thu hút đầu tư, xử lý tái chế rác thải bằng công nghệ chế biến, công nghệ sinh học thay cho chôn lấp trực tiếp.

Tích cực triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về Đề án tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long

thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện công cụ hỗ trợ chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai; tổ chức có hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

5. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giải quyết khiếu nại, tố cáo

a) Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước phù hợp theo ngành và lĩnh vực. Rà soát, kiện toàn các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

b) Thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai Đề án cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước, Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng bồi dưỡng công chức theo các ngạch, bậc, tiêu chuẩn chức danh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển và thi nâng ngạch công chức, bảo đảm công khai, minh bạch. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

c) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiết giảm chi phí và tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức. Đẩy nhanh tiến độ và triển khai có hiệu quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 của Chính phủ. Tiếp tục đổi mới hoạt động kiểm tra chuyên ngành theo hướng tập trung đầu mối, phân định rõ thẩm quyền, chuyển mạnh từ cơ chế “*tiền kiểm*” sang “*hậu kiểm*”.

d) Tạo chuyển biến cơ bản, bền vững, thực chất công tác thi hành án dân sự, hành chính. Tập trung giải quyết các vụ việc trọng điểm, các vụ việc phức tạp, kéo dài. Tiếp tục triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, trong đó tập trung hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân.

đ) Tăng cường thanh tra công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực quan trọng của các ngành, các cấp, bảo đảm khách quan, đúng quy định. Hoạt động thanh tra chuyên ngành tập trung vào những lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng, vấn đề gây bức xúc trong đời sống xã hội. Tăng cường phối hợp, hạn chế và xử lý kịp thời chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, không gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

e) Triển khai thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị. Đổi mới hình thức, cách thức tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng. Tăng cường theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các ngành, địa phương.

g) Tăng cường thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

h) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của UBND Tỉnh về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. Thực hiện có hiệu quả công tác giải quyết các vụ, việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

6. củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, giữ vững môi trường ổn định và thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

a) Thực hiện tốt công tác nắm, đánh giá, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ, nhất là những vấn đề phức tạp, nhạy cảm liên quan đến biên giới, an ninh chính trị; giữ vững môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, biên giới, nội địa, các địa bàn trọng điểm và không gian mạng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm - cứu nạn. Đẩy mạnh phòng, chống, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm cuộc sống bình yên cho Nhân dân, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh. Triển khai có hiệu quả Luật Cư trú sửa đổi.

b) Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu, sự kiện chính trị, văn hóa quan trọng của Tỉnh, trọng tâm là bảo vệ an toàn tuyệt đối bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

c) Tiếp tục thực hiện tốt công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân, nhất là lĩnh vực ngoại giao kinh tế. Tăng cường quan hệ hữu nghị cấp địa phương theo chiều sâu đối với các nội dung hợp tác với chính quyền tỉnh Prây Veng, Ban-tây Miên-chay, Pô-sát (*Vương quốc Campuchia*).

Tăng cường mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào với tỉnh Salavan và Champasak.

7. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo niềm tin, đồng thuận xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

a) Tập trung thông tin tuyên truyền về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp. Chú trọng tuyên truyền, cổ vũ những gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, vượt khó vươn lên, có tác động lan tỏa tích cực, khơi dậy tình yêu quê hương xứ sở, niềm tự hào “*Tôi là người Đồng Tháp*” và khát vọng phát triển tỉnh nhà. Thực hiện nghiêm cơ chế phát ngôn, kịp thời phản bác các quan điểm, tư tưởng sai trái, không để đối tượng thù địch lợi dụng. Đấu tranh ngăn chặn hiệu quả thông tin xấu, độc; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng quyền tự do ngôn luận, vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

b) Tiếp tục phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội để thực hiện tốt công tác dân vận, quy chế dân chủ cơ sở, thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra theo chủ trương của Đảng, Nghị quyết của HĐND Tỉnh.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng Sở, ban, ngành Tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Căn cứ những nội dung Chương trình hành động này, trực tiếp chỉ đạo rà soát, quán triệt nội dung, ban hành chương trình, kế hoạch hành động cụ thể hóa 5 năm (2021 - 2025) và phân kỳ thành các nhiệm vụ hằng năm. Trong đó, phải thể hiện bằng các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, đề án, lộ trình triển khai thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể. Báo cáo UBND Tỉnh trong tháng 11 năm 2021; đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh.

Thực hiện chế độ báo cáo hằng năm; báo cáo sơ kết giữa kỳ; tổng kết cuối kỳ, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi và tổng hợp chung. Đồng thời tổ chức đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo mục tiêu, kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong quá trình thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành Tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện

pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong Chương trình làm việc của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh và Hội đồng nhân dân Tỉnh để tham mưu UBND Tỉnh việc báo cáo theo quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các ngành, đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của Chương trình hành động nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ theo các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI, Hội đồng nhân dân Tỉnh khoá X đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) của Quốc hội.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này, xét thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các Sở, ban, ngành Tỉnh và UBND huyện, thành phố chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 05 NĂM (2021 - 2025)

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021 - 2025	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị theo dõi, báo cáo	Kỳ đánh giá
I.	VỀ KINH TẾ					
1	Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn (giá 2010)	%/năm	7,5		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
	- Khu vực nông - lâm - thủy sản	%/năm	3,5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
	- Khu vực công nghiệp - xây dựng	%/năm	10,2			
	<i>Trong đó: Công nghiệp</i>	%/năm	9,8	Sở Công Thương		
	<i>Xây dựng</i>	%/năm	12	Sở Xây dựng		
	- Khu vực thương mại - dịch vụ	%/năm	8,8	Sở Công Thương		
2	GRDP bình quân đầu người				Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
	- <i>Giá thực tế</i>	Tr.đồng	92			
		USD	3.434			
	- <i>Giá năm 2010</i>	Tr.đồng	51,2			
		USD	2.625			
3	Huy động vốn đầu tư phát triển/GRDP	%/năm	26	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
4	Tỷ lệ đô thị hoá	%	42	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
5	Giá trị xuất khẩu hàng hoá (<i>không tính hàng hoá tạm nhập tái xuất</i>)	Triệu USD	1.600	Sở Công Thương	Sở Công Thương	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021 - 2025	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị theo dõi, báo cáo	Kỳ đánh giá
6	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân	%/năm	8 - 10%	Sở Tài chính	Sở Tài chính	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
II.	VỀ XÃ HỘI					
7	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	< 40	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	79	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
	<i>Trong đó: đào tạo nghề</i>	%	57			
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	< 3	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
10	Số giường bệnh/1 vạn dân	GB	30	Sở Y tế	Sở Y tế	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
11	Số bác sĩ/1 vạn dân	BS	10,5 - 11	Sở Y tế	Sở Y tế	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
12	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo chiều cao (theo kết quả của Tỉnh)	%	≤ 16,6	Sở Y tế	Sở Y tế	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
13	Tỷ lệ dân cư tham gia BHYT	%	95	Sở Y tế	Sở Y tế	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
14	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới	%	90	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021 - 2025	Cơ quan đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan đơn vị theo dõi, báo cáo	Kỳ đánh giá
	<i>Trong đó:</i>					
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	30			
	Tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	10			
	Phân đầu có thêm đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Đơn vị	5			
	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Đơn vị	1			
15	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX	35	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
III	VỀ MÔI TRƯỜNG					
16	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị sử dụng nước sạch (<i>Tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>)	%	100	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
17	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước sạch	%	98	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
18	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom, xử lý	%	95	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý	%	100	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Hàng năm, giữa kỳ, 5 năm

Ghi chú: Tỷ giá USD/VND, năm 2015 là 21.393 VND; năm 2020 là 23.800 VND; năm 2025 là 26.800 VND